TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/04/2023
V/v: "*Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Thế Hanh

2/ Ông Nguyễn Công Tân

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc-Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 04 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXX ST- HNGĐ ngày 07 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị B, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: tổ dân phố Tam Hợp, thị trấn Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Đào Văn B, sinh năm 1974 (tên goi khác Đào Thanh B).

Nơi cư trú: thôn San, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Chị B, anh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 02/03/2023; bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị B trình bày: Chị và anh Đào Văn B kết hôn với nhau ngày 10/11/2000. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Khi kết hôn thì anh B lấy tên là Đào Thanh B là tên thường gọi của anh B. Tuy nhiên, giấy tờ tùy thân của anh B là Đào Văn B. Sau khi kết hôn vợ chồng đoàn tụ ngay và chung sống chung cùng gia đình nhà anh B được một thời gian thì vợ chồng ở riêng nhưng vẫn cùng nhà. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 đến 6 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân do mẹ chồng, nàng dâu không hợp nhau, anh B nghe lời mẹ nên thường xuyên đánh đập chị, vợ chồng cãi chửi nhau nhiều nên tình cảm vợ chồng không còn. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 6/2002 rồi đi làm ăn xa nhà từ đó đến nay. Khi chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở thì nghe nói là anh B có xuống đón chị về nhưng chị không có nhà và chị cũng không về đoàn tụ cùng anh B. Mâu thuẫn vợ chồng không được hai bên gia đình hòa giải. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 6/2002 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh B không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Văn B.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đào Văn Vinh, sinh ngày 18/7/2001. Hiện nay cháu Vinh đã trưởng thành có khả năng lao động và đã xây dựng gia đình. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ; ruộng đất, công sức, nhà ở, quyền sử dụng đất và các vấn đề khác: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Văn B trình bày: anh và chị B kết hôn với nhau ngày 10/12/2000. trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi vợ chồng kết hôn chị B về nhà anh làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà anh. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2002 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị B đi làm buổi tối về mẹ anh bảo chị B bế con nhưng chị B không nghe còn lãi chửi lại bố mẹ anh. Bố mẹ anh đã nói chuyện với bố mẹ chị B nhưng bố mẹ chị B lại bênh con gái. Chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở năm 2003 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị B không còn. Chị B xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung là Đào Văn Vinh, sinh ngày 18/07/2001. Hiện nay con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã lập gia đình. Ly hôn chị B không yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề nuôi con chung thì anh không có yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, nhà ở, quyền sử dụng đất và các vấn đề khác: anh xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên nguyên đơn, bị đơn nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35 ; Điều 39; Điều 147, Điều 227 Điều 228; Điều 271, Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị B được ly hôn anh B

Về con chung: Chị B và anh B đều không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị B phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị B xin ly hôn với anh Đào Văn B xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn San, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn là chị Ngô Thị B; bị đơn là anh Đào Văn B tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án là có căn cứ.

[2].*Về quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử xét thấy: Chị B và anh B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa nên được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị B và anh B có mâu thuẫn nên chị B bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2002 đến nay. Nay chị B và anh B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Vì vậy, hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị B và anh B mâu thuẫn đã lâu, thời gian ly thân kéo dài đã hơn 20 năm nên mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị B được ly hôn anh B theo quy định tại Điều 56 – Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[3]. *Về con chung:* Chị B và anh B cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là Đào Văn Vinh, sinh ngày 18/7/2001. Hiện nay cháu Vinh đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã xây dựng gia đình. Ly hôn chị B và anh B đều không yêu cầu tòa án giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[5]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác:* chị B và anh B cùng xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Chị Ngô Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227; 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị B được ly hôn với anh Đào Văn B

Về án phí: chị Ngô Thị B phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002516 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác định chị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND H.Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS H. Hiệp Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã Mai Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Thị Oanh